

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH L**

Bản án số: 09/2018/HSST

Ngày: 06/02/2018

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH L

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông **Lương Văn Thanh**.

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông **Trương Văn Cần**, Nghề nghiệp hưu trí

Bà **Nguyễn Thị Hằng**, Nghề nghiệp Giáo viên

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn- Thư ký

Toà án nhân dân huyện T tỉnh L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà:

Ông: Đinh Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 06/02/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2018/HSST, ngày 21/01/2018 đối với các bị cáo:

KHUẤT VĂN N - sinh năm 29/6/1999.

- Nơi ND HKTT và chỗ ở hiện nay: Khu 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh L; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ Văn hóa: 11/12; Nghề nghiệp: Học sinh; Con ông: Khuất Văn P, sinh năm 1971; Con bà: Nguyễn Thị D, sinh năm 1973, bố và mẹ bị cáo (*đã ly hôn*), bị cáo sống cùng mẹ tại khu 6, Thị trấn T, huyện T, tỉnh L. Vợ: Bị can chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị can bị bắt khẩn cấp và tạm giữ từ ngày 02/12/2017, tạm giam từ ngày 05/12/2017, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/12/2017.

***. Người bị hại:**

1. Lương Văn C, sinh năm 1992 - Trú tại: Bản N, Thị trấn T, huyện T U, tỉnh L (có mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Nguyễn Thị D, sinh năm 1973 - trú tại: Khu 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh L (có mặt).

2. Nguyễn Văn T, sinh năm 1988 - trú tại Khu 3 thị trấn T, huyện T, tỉnh L (vắng mặt).

3. Lò Văn V, sinh năm 1999-

- trú tại: Bản H, Thị trấn T, huyện T, tỉnh L (vắng mặt)

***. Người làm chứng:** 1. Lương Văn P, sinh năm 1993

- Tạm trú tại: Bản C, xã T, huyện T, tỉnh L- ĐKTT: Bản T xã T, huyện T, tỉnh L (vắng mặt).

2. Lò Văn L, - Trú tại: bản K, xã T, huyện T, tỉnh L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Khuất Văn N, bị Viện kiểm sát nhân dân huyện T tỉnh L. Truy tố về hành vi phạm tội theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 02/12/2017, Khuất Văn N lấy xe mô tô của gia đình đi từ nhà tại khu 6, thị trấn T, huyện T xuống khu ruộng thuộc bản H, thị trấn T, huyện T, tỉnh L để trộm cắp trâu của người dân chăn thả không có người trông coi mang đi bán lấy tiền. N quan sát thấy phía dưới ruộng có một đàn trâu đang ăn cỏ, không có ai chăn dắt, N tiến đến gần một con trâu cái, lông màu đen khoảng 4 tuổi có buộc một đoạn dây dài ở mũi(trâu của gia đình anh Lương Văn C, sinh năm 1992, trú tại bản N, thị trấn T, huyện T. Sau khi quan sát N cầm lấy đoạn dây dắt trâu đi theo đường ruộng, mang về buộc vào gốc cây xoài phía sau nhà anh Lò Văn K, sinh năm 1975, trú tại bản H, thị trấn T rồi quay lại lấy xe đi xuống nhà Nguyễn Văn T, sinh năm 1988, trú tại khu 3, thị trấn T, huyện T để thuê Th dùng xe ô tô chở trâu xuống quán bán thịt trâu của Lương Văn P, sinh năm 1993, trú tại bản C, xã T, huyện T để bán. Do Th không biết con trâu trên là do N vừa trộm cắp được nên đã đồng ý chở và thống nhất tiền công chở là 200.000 đồng. Th chở trâu đến quán của P, N hỏi bán trâu cho P nhưng P nói phải có giấy tờ chứng minh nguồn gốc trâu thì mới mua và bảo N về làm giấy tờ, N đồng ý buộc trâu lại nhà P để về làm giấy tờ, lúc này Th đòi tiền công chở trâu, do không đủ tiền nên N trả trước cho Th 130.000 đồng rồi đi về. Đến 17 giờ cùng ngày, P gọi điện thoại cho N hỏi có lấy được giấy tờ chứng minh nguồn gốc trâu không và bảo N xuống để nói chuyện. N xuống gặp P nói là trâu đi mua nhưng không có giấy tờ nên P không đồng ý mua. Khoảng 15 phút sau, lực lượng Công an huyện đến triệu tập N về trụ sở để điều tra làm rõ.

Tại kết luận định giá tài sản số 11/KL- HĐĐGTS ngày 04/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: “Tài sản được định giá: 19.343.000 đồng

Vật chứng thu giữ gồm 01 con trâu cái, lông màu đen, khoảng 4 tuổi là tài sản hợp pháp của Lương Văn C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu ASUS màu

đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream biển kiểm soát: 25B1 – 25372 là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1973, trú tại khu 6, thị trấn T, huyện T là mẹ của bị cáo N. Việc bị cáo N lấy điện thoại và xe mô tô đi để thực hiện hành vi phạm tội bà D không biết, nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại số vật chứng trên cho Lường Văn C và bà D là các chủ sở hữu là đúng quy định.

Tại bản cáo trạng số: 04/KSĐT- SH Ngày 19/01/2018 của Viện Kiểm Sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Khuất Văn N về tội “ *Trộm cắp tài sản* ” theo khoản 1 điều 138 BLHS.

Tại phiên Toà đại diện viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố đối với bị cáo Khuất Văn N phạm tội “ *Trộm cắp tài sản* ”. Áp dụng khoản 1, 5 Điều 138; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Khuất Văn N từ 12 đến 18 tháng Cải Tạo Không giam giữ.

Về vật chứng: Thu giữ gồm 01 con trâu cái, lông màu đen, khoảng 4 tuổi là tài sản hợp pháp của Lường Văn C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu ASUS màu đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream biển kiểm soát: 25B1 – 25372 là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị D, Việc bị cáo N lấy điện thoại và xe mô tô đi để thực hiện hành vi phạm tội bà D không biết, nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại số vật chứng trên cho các chủ sở hữu là đúng quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa anh C không có đề nghị gì về bồi thường nên không phải giải quyết.

Lời nói sau cùng của bị cáo , đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố

tụng. Do đó Hội đồng xét xử khẳng định các quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Đối với bị cáo tại phiên Tòa hôm nay lời khai nhận đều phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản lấy lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 02/12/2017, Khuất Văn N lấy xe mô tô của gia đình đi đến khu ruộng thuộc bản Huổi Luông, thị trấn T, huyện T, để trộm cắp trâu của người dân thả không có người trông coi mang đi bán lấy tiền. Đến khu ruộng H, N quan sát thấy phía dưới ruộng có một đàn trâu đang ăn cỏ, không có ai chăn dắt, N tiến đến gần một con trâu cái, lông màu đen khoảng 4 tuổi có buộc một đoạn dây dài ở mũi. Sau khi quan sát N cầm lấy đoạn dây dắt trâu đi theo đường ruộng, mang về buộc vào gốc cây xoài phía sau nhà anh Lò Văn K, trú tại bản H, thị trấn T rồi quay lại lấy xe đi xuống nhà Nguyễn Văn Th, để thuê Th dùng xe ô tô chở trâu xuống quán bán thịt trâu của Lường Văn P, để bán. Do Th không biết con trâu trên là do N vừa trộm cắp được nên đã đồng ý chở và thống nhất tiền công chở là 200.000 đồng. Th chở trâu đến quán của P, N hỏi bán trâu cho P nhưng P nói phải có giấy tờ chứng minh nguồn gốc trâu thì mới mua và bảo N về làm giấy tờ, N đồng ý buộc trâu lại nhà P để về làm giấy tờ. Khoảng 15 phút sau, lực lượng Công an huyện đến triệu tập N về trụ sở để điều tra làm rõ và bị cáo bị bắt khẩn cấp về hành vi trộm cắp tài sản.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo với hành vi trộm cắp tài sản là hoàn toàn đúng người đúng tội và không oan sai.

Đánh giá hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng về sự an toàn tài sản trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rất rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật được pháp luật bảo vệ, nhưng do lười lao động muốn hưởng thụ những gì không phải mất mồ hôi công sức, coi thường pháp luật, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội chiếm đoạt tài sản là (con trâu) của anh Lường văn C để mang đi bán lấy tiền tiêu sài cá nhân.

Xét về nhân thân: Bị cáo Khuất Văn N sinh ra và lớn lên tại Khu 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh L. Được bố mẹ nuôi dưỡng, đang học lớp 11/12, Bị can bị bắt khẩn cấp và tạm giữ từ ngày 02/12/2017, tạm giam từ ngày 05/12/2017, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/12/2017. Do vậy cần có biện pháp giáo dục bị cáo tại xã Thị trấn, không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành người tốt cho gia đình và xã Hội.

Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Ngoài ra bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do vậy khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự

Bị cáo là học sinh, không có nghề nghiệp, kinh tế phụ thuộc gia đình. Nên Hội đồng xét xử không đề cập xử phạt bổ sung (*phạt tiền*) đối với bị cáo quy định tại khoản 5 điều 138 Bộ luật hình sự.

Đối với người bị hại cũng như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lương Văn C, Nguyễn Văn Th không yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

Trong vụ án này, bà Nguyễn Thị D (mẹ của bị cáo), không biết bị cáo N lấy xe mô tô và điện thoại của mình đi để thực hiện hành vi phạm tội, nên không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với Nguyễn Văn Th đã dùng xe ô tô tải của mình chở trâu cho N mang đi tiêu thụ, quá trình điều tra xác định được Th không biết con trâu trên là tài sản do N trộm cắp mà có nên không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với Lò Văn V, theo lời khai của N ngày 27/11/2017, N và V cùng nhau đi tìm trộm cắp trâu ở bản H, thị trấn T, nhưng khi đến nơi thấy có người trông coi nên V và N đi về. Quá trình điều tra ngoài lời khai của N không có chứng cứ nào khác nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không đủ căn cứ để xử lý

Vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã giải quyết trao trả lại cho các chủ sở hữu tài sản nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo: Khuất Văn N phạm tội “ *Trộm cắp tài sản*”.

1. Hình phạt: Áp khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Khuất Văn N 15 tháng Cải tạo Không giam giữ, Quy đổi thời gian tạm giam, giữ của bị cáo là 01 tháng 18 ngày. Khấu trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo, hiện bị cáo còn phải chấp hành cải tạo không giam, giữ. là 13 tháng 12 ngày, thời hạn thi hành cải tạo không giam, giữ của bị cáo được tính từ ngày bị cáo và UBND Thị trấn nhận được quyết định thi hành Cải tạo không giam, giữ đối với bị cáo.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Khuất Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án nhân dân tỉnh L.

***. Nơi nhận**

- TAND tỉnh: 1.

- VKS huyện: 1

- VKS tỉnh: 1

- THADS :1.

- CA :1.

- THAPT 1. .

- Bị cáo, bị hại: 2 .

- Ng Có QLNVLQ. 2

- STP, Lai Châu : 1

- Lưu HS –TA: 2.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa

Lương Văn Thanh